

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 168

CHỈ QUÁN NGHĨA LỆ

SỐ 1913
(QUYỂN 1 → 2)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1913

CHỈ QUÁN NGHĨA LỆ

Sa-môn Trạm Nhiên Thiên Thai soạn

QUYỂN 1

Sách này gồm có bảy phần:

1. Sở truyền bộ biệt lệ.
2. Sở y chánh giáo lệ.
3. Y chánh tiêu thích lệ.
4. Đại chương tổng biệt lệ.
5. Tâm cảnh thích nghi lệ.
6. Giải hành tương tư lệ.
7. Dự nghi hiển chánh lệ.

1. SỞ TRUYỀN BỘ BIỆT LỆ:

Là chỉ chung một bộ, xem là đại thể của chánh hành viên đốn Phật thừa. Đại ý văn đầu tuy có mấy chỗ kết ba chỉ quán là chỉ phiếm mượn danh mà kết nghĩa, không phải tức là ba thứ hành tướng, vì trong đại ý thì văn lược mà ý rộng, dùng ba - một mà gom buộc kết nắm. Phải biết trong bộ ý chỉ ở đốn cho nên trong lời tựa nói là đại ý ở một đốn. Dùng lược quán rộng chẳng thể khác nhau. Lại trong chỗ bày nói: Văn viên đốn như chùa Ngọc Tuyền đã ghi. Văn sau tuy có bốn giáo, tám giáo, tư nghị và bất tư nghị, tương đãi và tuyệt đãi nhưng đều là hiển bày chỗ viên đốn một thật. Trong văn “xe lớn” thì dùng tư nghị, tương đãi làm người hầu. Diệu lý thật tướng xem là thể của xe, Diệu quán vô lậu xem là trâu trắng, còn các pháp khác đều là đồ trang nghiêm. Cho nên biết bộ này không còn đường khác.

2. SỞ Y CHÁNH GIÁO LỆ:

Dẫn khắp các văn trong một đời, văn thể chánh ý chỉ quy về hai kinh: Một là nương kinh Pháp Hoa Bản Tích hiển thật, hai là nương kinh Niết-bàn phò luật thuyết thường, vì hai kinh này đều là đề hồ. Do đó, Thích Danh (giải thích tên gọi) mà nói về đãi (đối đãi) nói về bật (bật đối đãi), cho đến Thiên Viên. Trong văn dẫn đủ ba dụ Liên Hoa giải thích tên gọi mà hiển thể đủ dùng đầy đủ bốn cái nhất của Quang Trạch, tức là thật tướng làm hành chánh thể, hướng chi các cảnh mười thừa đều cùng xe lớn làm dụ, cho nên cuối văn sinh khởi thì khen ngợi chung rằng: Nhiều kiếp cần cầu đạo tràng chứng đắc thân tử ba thỉnh pháp thí ba thuyết chính là ở đây. Cho nên biết bốn thứ Tam-muội đều y theo thật tướng. Thật tướng là pháp An lạc, bốn duyên là hành An lạc. Chứng thật tướng xong sẽ được y báo gọi là đại quả. Khởi giáo chỉ vì khiến chúng sinh khai - thị - ngộ - nhập, chỉ quy chỉ là quy về ba quĩ Diệu pháp bí tạng. Do đó trước sau đều y theo Pháp Hoa. Đây tức là diệu hành của Tam-muội Pháp Hoa. Kế dùng Niết-bàn, tuy nương Pháp Hoa mà đều quy về nhất thật, căn độn đời mạt nếu không trợ giúp thì chánh hành sẽ nghiêng đổ, chánh trợ giúp nhau mới tiến xa được. Phật hóa còn dùng Niết-bàn làm thọ, hướng chi đời mạt tu hành chẳng giúp thì chẳng tiến trước. Cho nên Phò Luật nói: Thường để hiển bày thật tướng, suy công ở đó, cho nên chánh dùng ý Pháp Hoa mà hiển viên thường, hai kinh đều đồng nhau.

3. VĂN NGHĨA TIÊU THÍCH LỆ:

Lại có hai: Một là nghiên cứu rõ văn nghĩa; hai là tiêu thích thể thức. Văn đầu có hai: Một là nghiên cứu rõ văn nghĩa; hai là nghiên cứu rõ văn tướng. Trong phần một lại có mười lệ:

Một là dẫn chứng thông cục như dẫn bộ Pháp Hoa chỉ văn nhất thật, kể giáo xưa để làm chỗ khai, cho nên văn trong bộ có quyền có thật, nếu hạn cục chứng nhất thật thì dẫn văn thật, nếu chứng cả phương tiện thì gồm dẫn nghĩa xưa. Như dẫn Pháp Hoa chứng tiệm bất định, chỗ dẫn bốn văn bốn vị cùng bộ thông cục cũng như thế;

Hai là rộng dẫn lưu loại, nghĩa là dẫn giáo chứng quán, v.v... Như dẫn kinh Hoa Nghiêm việc trước chiếu núi cao, Tịnh Danh trước ngồi dưới cây Phật, Đại Kinh từ trâu có ra sữa, Pháp Hoa dùng phương tiện lạ, v.v... vì chứng nghĩa ba chỉ quán, cho nên biết giáo quán tiệm, v.v... tên đồng mà nghĩa khác hoàn toàn. Văn ấy phán giáo nay xem là đồng. Cho nên mượn dùng.

Ba là thứ tức là mượn danh bày nghĩa, tức là mượn quyền danh mà bày thật nghĩa. Như dẫn Phương Đẳng mà cướp danh, mà bày nghĩa, nay khai quyền bật đãi, dẫn ba thời kia so với đây có thể biết, ở đó tức là gồm chỉ đối (đồng), v.v..., ở nay tức thành khai phước hội v.v....

Bốn là mượn dụ mà chuyển dụ như leo lên núi vàng. Luận dụ nhân, v.v... nay mượn dụ chỉ quán. Dụ là vật thế gian mà tùy nghĩa chuyển (đối) dùng, sao lại hạn cục ở bản văn. Như lửa thì các kinh có lúc dụ cho sân hoặc cho trí, hoặc dùng chiếu năng đốt làm hình làm tánh, hoặc thế hoặc dụng. Đất nước gió làm dụ cũng thế. Cho nên chẳng hạn cục văn làm nhất định.

Năm là bàng dẫn dị như các văn, dùng Tỳ-đàm, Thành thật. Nếu chứng tiếm sơ và thiên tiểu, v.v... thì danh nghĩa đều mượn. Như hai hành tín pháp. Văn trước năm ấm vương số đồng thời, dị thời, v.v... chỉ là nói về dị, không phải mượn danh nghĩa.

Sáu là khai chung nêu riêng, như bản văn bốn tất năm vị, ba giả hai thông, nghĩa gồm khai hợp, nghĩa khắp các môn các giáo đều như thế;

Bảy là dẫn dụng tông yếu, như Pháp Hoa quyền thật Bản Tích, Bát-nhã thêm cộng và bất cộng, Phương Đẳng thì bác bỏ thần lực bất cộng v.v... hề dẫn một câu hai câu cũng được tâm văn, hoặc phá hoặc lập chẳng mất bộ âm.

Tám là trích dẫn đạo Nho hoặc phá hoặc lập, chẳng trái bản tông, lược nói đồng khác, chẳng ở ủy tế, chẳng vì tên giống mà làm nghĩa đồng. Cho nên chỗ dẫn thô mà còn lược.

Chín là mượn danh mà lược nghĩa như trong nhiếp pháp và biết thuốc, v.v... chỉ mượn tên ấy để bày tướng trạng. Nếu giải thích rõ ràng thì thành rườm rà. Lược chỉ trên dưới, y theo so sánh có thể biết.

Mười là y cứ so sánh dụng ý. Như giáo chứng hai đạo vốn ở Biệt giáo, nay thì dung thông, bèn chia ra hai ý ước chứng ước thuyết, đối với ba quán- lập ba chỉ, hai thứ.

Nghiên cứu rõ tướng văn cũng có mười lệ:

Một là tùy tướng khai hợp, như ba quán, bốn giáo, bốn tất, năm vị Đế Duyên Độ, v.v..., một nhà lập nghĩa văn tướng đều như thế. Rộng rãi vô cùng, tùy sự tùy lý, tùy pháp, tùy danh, tùy hành, tùy chứng, tùy tự tùy tha, thủy đều thông dụng. Nhưng phải nắm kết chớ để phù lạm. Nếu chẳng như thế, thì trưng văn chớ gá, lập hành chớ bày. Nếu được ý này giữ còn bản văn thì cạn sâu có quy tắc, diễn nghĩa lý thì suốt rộng không bến bờ, bày một tâm thì dẫn quyền về thật, từ bị vật thì khai thật

nêu quyền, lập hành nghi thì dùng trí làm chung. Đấng tướng thì mảy may chẳng trái, giữ còn các giáo thì nhân quả rõ ràng, hiển lý một thì trước sau không hai.

Hai là kết bày nơi chốn và lập ý bản văn, như lệ ấms nhập khác ở văn cuối phá khắp, thụ phá pháp khắp. Có sáu chỗ nêu diệu. Trong Diệu Cảnh nói: Đại thể của thuyết giáo, trong phát tâm thì y cứ Viên chê Thiên, trong An tâm thì nghĩa khai ba thứ, trong đạo phẩm thì chẳng ngoài niệm xứ, trong thông bát thì vốn trị hay chấp, trong thứ vị thì khuyên tu năm hối, an nhĩn không mê đắm chỉ ở tiến công. Nếu sư tư tâm được Tông Nguyên thì các văn rất dễ hiểu, Đại cương đã chỉnh thì võng nhậ dễ còn.

Ba là sự lý bàng chánh như bốn Tam-muội, chánh là hiển lý, bàng là gồm trị trọng, như mười pháp giới, chánh bày lý cụ, bàng biết cạn sâu. Như biết thứ vị, chánh là phân biệt với lạm, bàng là thông kinh. Lại trong các văn tất cả đều dùng phá xưa làm bàng, tuy nương bàng chánh nhưng văn chẳng thể bỏ.

Bốn là văn Thiên mà ý Viên, như dùng ba chỉ quán mà kết các văn. Và trong năm lược sử dụng ba giáo các cảnh mười thừa, ngang dọc thiên tiểu. Ba thứ chỉ quán chỉ duyên thật tướng.

Năm là rộng lược có không, như trong phát tâm hiển số thì rộng mà văn tướng thì lược trong mười pháp sau, văn tướng thì rộng mà hiển số thì lược. Trong tu đại hành, sự nghi thì rộng, mà mười pháp thì lược. Trong tu chánh quán mười pháp thì rộng mà sự nghi thì lược. Ở ba Đại chương sau, trong đại ý thì có, trong giải rộng thì không. Trong mười cảnh giới chánh quán thì có, trong bốn Tam-muội thì không. Tuy hồ lược không mà nghĩa thì chung đủ.

Sáu là văn hành khác nhau, như mười cảnh mười thừa sinh khởi thứ lớp mười thiền cạn sâu thụ phá pháp thiên. Văn tuy thứ lớp hành ấ tùy người, mười thiền cần gì phải từ cạn đến sâu. Thụ phá nguyên là hiển chẳng hai, hoặc tùy thụ kế vào vì sao chướng đối với lý, từ cạn đến sâu Diệu quán ở nay.

Bảy là bật đối đĩ trước sau, nếu y cứ giáo tướng thì trước đĩ sau tuyệt, nếu nói về đạo lý thì đĩ và tuyệt đồng thời.

Tám là phá hội khác nhau. Nếu ý Hóa nghi thì trước là phá, kế là hội, như trước chê Tiểu, sau mới hội Viên. Cho nên Phương Đĩng rộng phá thiên tiểu, kế đến Pháp Hoa mới hội về thật, y cứ người y cứ hành phá hội đồng thời. Như chiếu quyền rõ thật, chiếu quyền gọi là phá, rõ thật gọi là Hội. Cho nên văn nay là hiển lý, chẳng đồng với Huyền Văn

chuyên ở phán giáo. Hễ có thích nghĩa thì phá đứng đầu. Cho nên nay Thiên Viên mượn thích danh ấy, thứ lớp thì khác.

Chín là hành giải khác nhau, như năm lược sinh khởi phân biệt, mười chương dẫn chứng phá xưa, hỏi đáp phân biệt v.v... phần nhiều vì sinh giải. Nếu mười pháp chung riêng, mười cảnh hổ phát, mười thiên ly hợp, mười cảnh phát tướng chuyên ở tại hành. Cho nên trước biết mới có thể tu tạo.

Mười là nêu lệ từ lược. Như Đạo phẩm nhiếp pháp giả trung không, lệ phá các ấm còn lại, dư sử dư phẩm để so sánh với sơ phẩm, tương tục tương đãi để so với nhân thành, tìm kỹ ý rộng để bày văn kia, trái pháp trước nghĩ mới chẳng mê ý chỉ. Nếu mười pháp thành quán, chỉ ở ấm nhập biết rõ căn do, chín thứ kia đợi phát mới lập quán được. Cho nên trong chín cảnh chỉ phân biệt cảnh. Cảnh dưới mười quán chẳng phân biệt kỹ, chỉ tuy cảnh chuyển chiếu, không liên quan gì đến nói rộng.

- Kế tiêu thích thể thế, lại có hai: Một là thế văn thế; hai là thế nghĩa thế. Trước thế văn thế cũng có mười trường hợp: Một là pháp dụ rộng lược. Nếu pháp lược mà dụ rộng thì văn mở pháp cùng dụ tương xứng, chẳng chuyên giữ pháp lược để ủng hộ dụ văn. Hoặc pháp rộng mà dụ lược thì hợp pháp đối dụ, hoặc khai dụ đối pháp, như hạt châu như ý dụ cho cảnh không thể nghĩ bàn, hoặc pháp riêng dụ chung, như dùng xe lớn mà dụ mười pháp, thì khai dụ chung ấy để đối mười pháp. Nếu dùng khéo vẽ thẳng đường làm dụ thì chẳng cần phải khai đối, chỉ lược hợp mà thôi. Nếu pháp dụ đều chung thì như dùng hư không mà dụ cho pháp giới. Nếu pháp dụ đều riêng thì tùy văn mà đối nêu sẽ được ý; Hai là pháp dụ hợp ba vừa có vừa không, tùy nghi lập dụng, còn mất hợp thời; Ba là khai hợp tự tha. Nêu chương môn có đối tự khai hợp, như năm lược đối mười rộng. Có đối tha khai hợp, như dùng mười rộng đối năm lớp huyền nghĩa. Có nhiếp nhau khai hợp, như khai hội dưới. Có nghĩa lập khai hợp, như nhiếp pháp, v.v... Khai sáu, khai bốn, v.v... chẳng ngoài tự tha, nhân quả và ý văn bốn nghĩa hai, chỉ ở một văn tương. Hoặc đầy hoặc nhiều ít hợp thời, số san ắt khiến đến mười theo nghĩa thì lâu gấp tùy nghi; Bốn là chú, v.v... Nếu văn trên đã đủ, hoặc bộ kia đã rộng mà mở thêm càng rườm rà hoặc văn rộng không cốt yếu, hoặc tiêu thích phải chỉ rõ nơi chốn nắm cốt yếu mà chỉ bày. Nếu truyện viết có thiếu thì phải bổ thêm; Năm là phá lập còn mất, như phá thầy xưa và phá tà tịch, nghĩa đã hồng rồi thì không cần giữ lại. Nếu giữ tên gọi mà không dùng nghĩa, hoặc có chút ít chẳng đáng thì có bỏ có lấy. Nếu phá thiên, phá tiểu, phá mình thì lập thành một nhà, lý không thể

ngĩ bàn, vì đậu một đời lý bất tư nghị hóa, v.v...; Sáu là giỏi dở khác nhau. Nếu pháp tướng Đại Tiểu hỏi đáp nghiên hạch pháp dụ đối đúng chương môn khai hợp, thì tùy văn tiêu thích không đợi xa cầu. Như cảnh không thể nghĩ bàn và phá pháp biến, phải trải xem trước sau tìm cầu khoảng giữa, hoặc kết giới đến dở, hoặc nói dở khiến giỏi, cho nên đều phải mở rộng văn thể mới có thể giải thích. Tội giải thích văn hiển, ắt dùng tội mà khiến toàn, khiến văn lý thông sướng khiến hành môn một nhà, quy thú có chỗ. Hoặc hai thích chung riêng thì dụng chung mà quán riêng. Giải thích riêng nghĩa hay thì nắm riêng về chung; Bảy là pháp Đại ẩn hiển, nếu pháp ẩn mà dụ hiển thì câu ý dụ để nêu pháp. Nếu pháp hiển mà dụ ẩn thì câu ý pháp mà nêu dụ. Dụ nhìn ở hợp hiển ẩn so sánh như thế, ấy thì chẳng mất ý văn, trên dưới tiếp nhau; Tám là hỏi đáp mê giải, nếu mê hỏi mà chẳng mê đáp, thì câu ý đáp để lập hỏi. Nếu mê đáp mà chẳng mê hỏi, thì nghiên văn hỏi để thành đáp. Hoặc hỏi từ đáp sinh, hoặc tự giải thích mà hỏi, hoặc nhân đáp mà hỏi đáp, hoặc từ đáp mà đặt lời hỏi. Hoặc đáp thuận với hỏi, hoặc đóng trái với hỏi, hoặc đáp mà lấp hỏi, hoặc đáp mở đầu mối cho hỏi; Chín là nêu lệ mà tiêu văn. Như văn sáu độ hoặc nói thế gồm ứng lấy giáo mà định, khiến sáu văn một loại. Hoặc đế hoặc duyên các pháp đều như thế; Mười là dùng giáo định pháp, đều tùy giáo thể mà lập nghĩa tông, hoặc danh thiên mà ý viên, từ thể mà định.

Tiếp đến thế của nghĩa thể cũng có mười trường hợp:

Một là bản ý, của bộ thể muốn giải thích nghĩa, trước phải suy nghĩ bộ loại như Pháp Hoa Huyền, tuy các nghĩa dưới đều lập quán tâm. Nhưng văn bản ý nói năm lớp Huyền nghĩa nêu các giáo trên thì giáo là chánh, quán là bàng, giá sự hưng quán nghĩa lập quán tâm, trong giáo thì dùng quyền thật bản tích làm chính, thường dùng năm thời tám giáo để phân biệt về quyền, đều dùng thế giới tần số để phân biệt về tích. Nếu bản tích xen lẫn giáo vị trái nhau thì không lấy gì để hiển bày hai diệu đăi tuyệt, các vị khác bộ khác để loại câu thì có thể biết. Nếu nay chỉ quán dùng các giáo ý ở mười pháp để thành Diệu quán thì quán là chánh, giáo là bàng. Vì thuận theo thật lý. Bàng thông các giáo lại làm sinh tín bàng dẫn các kinh; hai là quán giáo đồng khác, đã y cứ Pháp Hoa phải cần tám giáo. Giáo tuy có tám, nhưng bốn giáo như đốn, v.v... là Phật hóa nghi, bốn giáo như Tạng, v.v... là Phật hóa pháp. Y pháp mà khởi quán thì quán có bốn. Tiệm đã khác lại gia thêm bất định. Cho nên quán có sáu. Khai quyền hiển thật hội Tạng v.v... ba tiệm và bất định. Nguyên biết viên cực cho nên bản ý Phật chỉ là Phật thừa. Cho nên văn

nay tùy giáo tuy là hoặc tám, hoặc bốn. Bản ý chỉ là thành một Phật thừa; ba là quán môn chuẩn tắc tùy cơ độn vật. Tuy lập bốn môn giáo pháp thể độ mà vô sinh làm đầu. Nếu tiêu pháp tướng là thành hành giải, chế cướp tử quyết trên dưới soi chiếu nhau, thấy đều gom trở về Nhất thừa. Bốn là hội dị khẩu đồng, nếu tất cả tên khác đều vào một Phật, thì gọi là thông hội, như hội tùy nhập đều là tên khác của chỉ quán thì gọi là Biệt hội. Hai tội thông biệt nhiếp hết các pháp thì một nhà nghĩa thế nhiếp pháp vô cùng. Cho đến pháp môn cũng đủ ý hai hội thông biệt. Lại như phá thiên độ nhập gọi là Thông hội, đương giáo, đương môn gọi là biệt hội. Nói khẩu đồng là như kinh luận Đại Tiểu, hễ đặt tên pho bộ tuy khác nhưng danh tướng chẳng khác há vì tên đồng mà khiến pháp một khái, ắt dùng lý giản mà để xét phân. Như các ngoại nhân (ngoại đạo) còn dùng trời Đại tự tại mà lập ba thân, há ba tên này thể đồng tông cực. Cho nên nói chẳng thể tìm tên chung mà cầu thể riêng, cho nên dùng tướng mà phân biệt. Do đó khẩu đồng ngoài khác, hội khác khiến đồng, hoặc khác hoặc đồng đồng vào một cực; năm là dùng một để lệ các thứ. Như hai đạo giáo chứng và một pháp tâm cựa, chẳng đồng với người đời mê đắm một niệm cảnh tư nghị lập ra Phật pháp giới. Trước nói có thể nghĩ bàn, sau nói chẳng thể nghĩ bàn. Trong bộ chỉ có một văn nói, dùng một văn này mà y cứ trên dưới khiến nơi nơi văn nghĩa thông suốt rõ ràng; sáu là danh nghĩa thông cực, như đặt thí dụ độc, trong kinh chỉ dụ năm đường khác nhau, Phật tánh chẳng đổi, năm vị chỉ dụ một đời năm thời đậm nhạt, đậm nhạt tuy khác mà đều từ trâu ra. Nay văn từ nghĩa nơi nào cũng khắp vào, hoặc định hay bất định, hoặc hành hoặc nhân, hoặc giáo hoặc vị, hoặc thời hoặc bộ, nghĩa chẳng thể bít lấp mà giữ tên ấy. Cho nên dùng dụ để chất độc vào sữa thì có hai thứ đề hồ giết người. Nếu dùng năm vị thì có hai thứ sữa khác nhau; bảy là khai thác cú pháp, hoặc bốn hoặc sáu, hoặc ba mươi sáu, cho đến trăm ngàn, tùy ý văn phải nhiều phải ít đều khiến ở một đời giáo môn, mỗi mỗi đều khiến có danh có nghĩa, không được vội không nghĩa đặt tên như thế; tám là thúc tán trước sau, phạm các văn rộng, trong văn không kết hoặc tùy thế văn nếu theo tiện ý, hoặc trước kết mà sau khai, hoặc trước tan mà sau buộc. Do đó giải thích trước phải xem xét, lời ý chập gập, chỗ đến quy tông khiến quán hành có đó; chín là hành lý xen nhau, lý có quyền thật, hành có thân sơ. Thân là chánh, sơ là bàng, bỏ quyền vào thật. Lý không có các thứ, hành có cạn sâu. Nói lý thì mất thứ lớp ấy, nói hành thì tích công mới đạt, dùng lý dung hành, dùng hành hợp lý. Các vị không xen lẫn mới được khỏi lỗi. Đâu thể còn thân mà cầu riêng

một câu, huống chi dùng hai mươi lăm pháp làm tiền đạo, mười thừa mười cảnh để làm chánh tu. Cho nên biết hành lý dung nhau mới có chỗ đến. Cho nên thứ năm nói: Chiếu nhuận đạo đạt giao lạc oánh sức, một thể hai tay cùng lau xoa. Nhưng nghĩa giải chẳng phải lúc tiêu văn, muốn ra ý văn thì phải xuất một, khai hợp trước khiến diệu cảnh đều viên. Y chánh lập nguyện, nguyện hành xứng nhau, chánh trợ không thiếu chẳng mất thứ lớp. Cho nên có thể chê thiên tà, có thể tiến viên hành, có thể hiển ý khác nhau, có thể lập tông đồ. Nếu khi tiêu văn, trước nên câu tỏ văn thế một đạo tiến lên, kế đào luyện trước sau để hiển bày hành tướng, dùng một quán cảnh mà quán chín thứ dưới, dùng một hoàng thế mà thông với các hành, dùng một an tâm mà gồm khắp trước sau, phá biến chỉ là an tâm gia hành, thông bát chỉ là trên hai tế môn dùng một đạo phẩm điều đình ấm nhập. Chánh trợ chỉ là trợ khai, bốn thứ vị trước là chung với bảy môn trên để trừ lỗi lạm, an nhẫn, lìa ái tám công năng trên, khi vào Sơ trụ thì chuyển gọi mười đại là có lý do. Nếu chẳng được ý thì uống công sinh khởi. Nói hành nói lý chưa đủ để làm thầy, vì sao? Vì vượt thứ bậc thì hại văn, chuyên văn thì hại lý; mười là giáo quán chiết nhiếp. Giáo chiết nhiếp, hoặc quyền hoặc thật hợp thời mà dùng, hoặc nhiếp quyền chiết thật, hoặc khen thật chiết quyền, lý sự nhân quả bốn môn bốn tất đàn, tùy giáo tùy cơ, ước nhân ước bộ. Hoặc mật hoặc hiển hoặc hiện tại hoặc đương (vị lai), là thực là chùng, nghịch hóa thuận hóa, chẳng ngoài ý một chiết một nhiếp. Quán chiết nhiếp là quán một cảnh, trải một tâm, hoặc chiết làm vô thường, hoặc dùng làm lý tánh, phải trị ham chán, chỉ quán trí đoạn, khổ vui, buông cướp thuận nghịch thể chiết. Các tướng như thế, v.v... cũng đều chẳng ngoài hai ý chiết nhiếp. Cho nên hai thứ giáo quán chiết nhiếp này, dùng lý mà quán khiến nguyên ý có bốn mươi điều, lược biết đại khái, các điều khác thì y cứ theo đây sẽ biết.

4. ĐẠI CHƯƠNG TỔNG BIỆT LỆ:

Mười chương mười cảnh, mười thừa ly hợp, đồng khác, lập ý khác nhau. Trong mười đại chương. Nói đại chương là y cứ theo phân biệt mười môn khác nhau. Lại như đại ý cùng chín mà nói đồng khác. 1. Giải thích đại ý: đã nói năm lược đối dưới tức là hai môn rộng lược. Nếu như thế cũng có thể Thích danh trở đi lại khai ra mười chương. Như văn Pháp Hoa giải thích mười diệu. Nay đây là đối chỉ quy, không rộng không lược, văn thế rất gọn, nên dùng đại ý cùng làm mười chương. Thiên môn cũng như thế. Nếu muốn khai thì khai hiển thể ra nhãn trí,

giáo tướng thì khoảng giữa tám chương tự chia thành mười. Như năm lớp huyền nghĩa cũng là hợp, ở trong tám mà làm năm chương hợp nhiếp pháp vào thể tướng, nghĩa đáng hiển thể, hợp phương tiện chánh quán quả báo cùng làm một tông, khởi giáo nghĩa đáng ở dụng, thiên viên nghĩa đáng phán giáo. Đó là thích kinh, đây là thành quán. Cho nên có hơi khác mà thôi. Nay giữ mười số cho nên lia năm làm tám, lại thêm trước sau thì số đã đủ. Mười cảnh ly hợp, là cùng phát chánh ý chỉ có chín cặp, cũng thành mười số. Thêm ba chương bốn ma một cặp, cho nên mười cảnh này nếu không phải ba chương tức là bốn ma, lại mười cảnh cũng làm thành mười số. Bày đủ như thế, cho nên dưới Chương An hỏi rằng: nếu pháp là cảnh trần sa vì sao nhất định có mười, nay ở trong mười nếu lại hợp thì Bồ-tát Nhị thừa chỉ hợp thành một cảnh phương tiện, vậy chỉ có chín, nếu nhập phiền não vào sáu tặc, trong tướng tập nhân thì chỉ có tám. Nếu đem phiền não và nghiệp cùng ấm nhập cảnh làm ba đạo cảnh, thì chỉ có bảy. Hoặc y tám trước lại đem mạn vào cảnh phiền não thì cũng chỉ thành bảy. Nếu đem kiến mạn xếp vào Thế Thiên thì chỉ có sáu, lại xếp bệnh hoạn vào Ấm nhập thì chỉ có năm. Bốn - ba là như bốn ma ba chương, nếu chỉ dùng phát chẳng phát đối nhau thì chỉ thành hai. Nếu chỉ dùng một sở quán làm lời thì chỉ có một. Khai hợp tuy thế, nay nói tướng phát khí loại khác nhau, cho nên làm mười. Đem ấm đối chín ấm không thể phát được, cho nên lập riêng. Bồ-tát Nhị thừa tuy đồng phương tiện mà phát tâm thì khác, phiền não khởi nặng, tập nhân lại yếu nhẹ, xoay vần thông nhau nên gọi là Đạo. Các phát này được ba, đều hiện khởi, mạn và phiền não lạm khác trong thiên, chưa hẳn một bề phát kiến. Bệnh tuy như ấm, ấm không hẳn bệnh, bệnh tuy có nghiệp không phải nghiệp tướng hiện bệnh, tuy có ma đã thuộc ma cảnh hai và ba, bốn phát tướng lại phân, hưởng chỉ chỉ là một tối làm thông mạn, cho nên tùy tướng ấy phải khai mười.

Kế là nói mười thừa lập ý, văn sau nói ngang dọc bao gồm mười quán đầy đủ. Nay xét văn ý chung làm năm giải thích: Một là giải thích chung; hai là giải thích riêng; ba là bốn cú ngang dọc giải thích; bốn là phụ văn ý đến pháp tướng giải thích; năm là khác với chỗ lập của người mà giải thích. Hai thích chung riêng, ngang dọc bốn câu đủ như trong ký. Còn phụ văn là mười pháp sinh khởi, lại gọi là Dục, trong mỗi pháp đều gồm nhiều ý lại gọi là Ngang. Sinh khởi như văn, đều có nhiều ý, đủ như bản văn. Tùy nghĩa giải thích riêng. Nay sưu tập ý văn xem lược và biết riêng, tuy có nhiều ít khác nhau. Nay đối với mười pháp đều lệ làm năm, cho nên lập mười thứ này. Diệu cảnh có năm: Một là

bày ba ngàn ở một niệm; hai là bày cực lý khác thừa sau; ba là muốn khai hiển cảnh nghĩ bàn; bốn là vì người lợi căn mà khai ngộ lý; năm là vì chín pháp dưới làm chỗ nương. Phát tâm có năm: Một là giải lý vẫn phải nguyện; hai là nói phát tâm nhiếp pháp biến; ba là vì muốn phân biệt khác với thiên tiểu; bốn là vì nói trung căn phát mới ngộ; năm là vì tám pháp dưới làm hành thủy. An tâm có năm: Một là vì nói có nguyện vẫn phải có hành; hai là biện trung căn khó an; ba là chỉ pháp đồng tùy người mà khác, là chỉ phàm phu tự tha an; Năm là bày khai chung xuất riêng mà an. Phó pháp biến có năm: Một là giải thích môn này riêng dùng tuệ; hai là dùng bất cứ một môn nào mà ngang dọc khắp; ba là làm y giáo môn cho người sơ tâm); bốn là bày người sơ tâm y vô sinh; năm là ba đế viên dung phá mới khắp. Năm ý ở đây thì ba ý sau riêng ở văn này, còn hai ý trước chung cho trước sau. Thông bát có năm: Một là bày xem xét chẳng phải một tiết; hai là bày ngang dọc thông vẫn bát; ba là bày một tâm vẫn có bát; bốn là bày bốn báu là được thông; năm là gồm nêu văn kinh quá năm trăm. Đạo phẩm có năm: Một là bày phải dùng đạo phẩm mà điều; hai là bày điều đình khác với thiên tiểu; ba là bày niệm xứ là ấm cảnh; bốn là bày đạo phẩm nhiếp các hành; năm là bày sau phẩm phải có môn. Chánh trợ có năm: Một là vì người tệ nặng phải trợ giúp; hai là bày sự độ có khả năng trị tệ; ba là bày trợ đạo nhiếp pháp biến; bốn là bày chánh trợ hợp hành tướng; năm là bày ba giáo đều là trợ. Thứ vị có năm: Một là bày diệu dị khiến chẳng xen lạm; hai là bày diệu vị, đức khó nghĩ bàn; ba là bày mộ quả khiến (nghĩ làm sao cho bằng); bốn là vì tăng thượng mạn biết không phải là Thánh; năm là vì đàu chúng sinh nên ưa thích. An nhẫn có năm: Một là bày chướng trong ngoài phải an nhẫn; hai là chê người quê mùa (chiếm) vị thầy; ba là bày thuật trong ngoài của người tu; Bốn là bàn phép an nhẫn của bậc Tiên hiền; năm là khiến sách tấn vị tương tự. Lìa ái có năm: Một là khiến lìa ở đảnh Đọa vị; hai là nói Đại Tiểu thừa đảnh Đọa biệt; ba là nói tự ái chẳng phải chân ái; bốn là nói công dụng khác với thiên tiểu; năm là khiến sách tấn vào Sơ trụ. Mỗi thứ năm này đều lấy văn đầu làm ý chánh, bốn thứ sau trong văn đều gồm đủ. Nếu dự biết năm thứ này thì đối có thể biết.

Kế là nói chỗ lập khác với các nhà và người học thời nay đọc vẫn mê ý chỉ chẳng biết chỗ lập, chỉ thuận viên dung, nếu chẳng hiểu thì tu tập không có phần. Trong đó lại có hai: Một là chung, hai là riêng.

Nói chung, lược nêu mười điều: Một là phải biết thừa thể không phát không đến; hai là phải biết thừa thể chung cho nhân chung cho

quả; ba là phải biết viên thừa đủ trong mười pháp; bốn là phải biết xe lớn chỉ dụ mười pháp; năm là phải biết các pháp đều đủ mười thừa; sáu là phải biết các giáo môn môn đủ mười; bảy là phải biết khai hiển chỉ diệu mười pháp; tám là phải biết giản thể khác với cụ độ; chín là phải biết quán tâm lập nghĩa mười pháp; mười là phải biết trâu trắng khác trâu đen. Nói riêng là ở mỗi pháp đều có bốn ý, nếu có một, hai giống phụ văn trước là muốn nói khác, chỗ lập khác. Diệu cảnh có bốn: Một là đối với cảnh vô tình mà lập Phật thừa. Nếu không có Phật thừa thì thân thể Phật pháp là khắp hay chẳng khắp. Cũng chẳng nên nói thân thể Phật pháp đồng với vô tình, cho đến chẳng đồng. Cho nên phải nói: Pháp gọi là bất giác, Phật gọi là Giác. Phật tức là Pháp, Pháp tức là Chúng, há có thể một thứ; hai là chúng sinh tánh, đức đủ ba nhân, nếu không có ba nhân thì duyên liễu mới có vô thường. Vì sao vô thường mà lập thường quả? Đại Kinh phá dùng Biệt giáo ngoài ý không phải điều ở đây nói; ba là hai báo y chánh trong một niệm, người khác đều biết tất cả là dùng thức, chẳng biết thân cội ở một tâm. Cho nên biết tâm thể tức Thường tịch quang. Cách cội Tịch quang không hai không khác. Thân Giá-na xứng với cội, pháp và báo ứng là một thể không khác; bốn là Phật vốn chẳng dứt pháp tánh ác. Nếu tánh ác dứt thì hiện khắp sắc thân từ đâu mà lập. Chỉ khiến phần đặc thường trụ pháp thân, chẳng động mà động, khắp ứng thân cội, đủ như Quán Âm Huyền Văn và ký thứ năm. Phát bốn tâm: Một là phát tâm trước phải nghĩ cảnh được nương gá. Như mười thứ phát tâm đều bốn giải khác nhau, cho đến đương phần khoa tiết khác nhau; hai là niệm niệm đầy đủ bốn thế nguyện rộng, lấy chung mà quán riêng, mỗi hành nguyện từ đây mà lập. Cho nên biết Tứ đế vô tác chỉ một niệm tâm, là y cảnh này ở khắp nhiều niệm; ba là trong một niệm tâm mà biện năng sở, dùng năng sở này mà thương mình thương người. Kỳ tha một niệm tâm chúng sinh và Phật lý bằng nhau. Cho nên Bồ-tát y theo đây mà khởi thế; bốn là viên phát mà phải khắp lập khắp phá. Là năng trước rồi mới khế sở y. An Tâm có bốn: Một là y cứ hành viên đốn chỉ quán vẫn khai sáu mươi bốn phen, chẳng lập nhiều phen Đâu hội chẳng đủ; hai là một niệm chỉ quán phải liễu năng sở, định tuệ đế cảnh các hành rõ ràng. Sở dĩ lia chung ra khỏi riêng, riêng đều có chung, tuy khác mà đồng, tuy đồng mà khác; ba là Tịch chiếu tương tức, sơ tâm có thể tu. Người khác đem dụng này quyền ở cực quả. Trước sau chẳng hai giáo ấy uống làm; bốn là phàm sư vì người khác vẫn phải hỏi, đồng lập một vị chưa thấy ích phương, nếu chuyển sang tốt lạ chỉ là chuộng mới mà thôi. Thuận theo chỗ mình

thấy có liên quan gì hợp với người khác. Người nhận chẳng phải cơ các thấy thêm lớn. Do đó đồng tông chi phái đều trái. Lý quán đã mỏng, mâu thuẫn càng nhiều. Nhà nay biện sư trước chia phàm thánh. Địa vị sáu căn tịnh còn nói phàm lưu, năm phẩm đệ tử lý không chân ứng. Hỏi người khác bày giáo y bệnh lập thuốc, bốn tất đàn tiện nghi, hai hành cùng ích đâu cần cố chấp sớm chiều ôm cây. Phá khắp có bốn: Một là tâm vô sinh đâu ngang dọc tuy khắp, lại phải hậu vị sáu tức mà dọc cùng, hoặc ngang hoặc dọc đều tức lý. Môn ngang mỗi môn đều dọc và chẳng phải ngang dọc; hai là phải biết tha môn. Tha môn lý bình đẳng, ba độ vào tha môn, các pháp không sai. Nếu dùng một môn các môn dung nhập, hướng chi Niết-bàn mà thích nghĩa, Phật tạng bày tướng, Lăng-già thích thành, Địa trì giáo đối, đều tùy pháp tướng mà độ nhập các môn. Lại dùng một niệm tâm mà cai quản hai môn. Cao rộng xe lớn bất động mà chở; bốn là vào trụ ứng khắp (biến) mới gọi là giả khắp, cho đến chân khắp. Ông trước tuy quán viên dung ba đế chỉ là tự hành quán hành tương tự, y cứ vị vẫn ở hoặc tục hoặc chân. Cho nên tuy viên mà chưa gọi là phá khắp. Trụ sau còn phải tiết tiết lia ái, mới có thể khiến tịnh dư vị vô minh (vị khác). Thông bát có bốn là ba chỉ ba quán ở trong một tâm vẫn liễu khai quyền không ngoài các pháp tiết tiết xem xét tâm năng trước, không kiểm không trước mới gọi là Thông; hai là một tâm chỉ quán vẫn phải khéo đạt bát trong thông. Trong tắc, tộ khổ tập vô minh, v.v... đều là pháp giới thành ở vô tác đế duyên độ; ba là sơ tâm bốn báu, sáu tức xét phân cho nên được mảy may thiện đều thành nhân Phật; bốn là phải rõ năng phá chuyển thành sở phá, nghĩa là giặc là dụ này có thể biết. Nếu chẳng phải thế, thì chẳng thấy nói quán mà thành, hoặc hóa bèn thành Bồ-tát Chiên-đà-la. Đạo phẩm có bốn: Một là bày nghe quán Đại Tiểu đều phải giảng, chỉ nói theo tiểu vị, còn lỗi Tiểu thừa sinh nhau nhiếp nhau, hướng là khác ư? Đại thừa quán thì Đại Tiểu đều bỏ, lấy gì xem là pháp được làm; hai là phải dùng các phẩm xoay dần điều đình. Các nhà nếu tu chỉ nói niệm xứ, hậu phẩm đâu ngại gì mà chẳng dùng; ba là sau viên Đạo phẩm rồi nói ba không môn. Tha đã chẳng nói năng thông làm sao còn? Như đời hành đạo đến vô môn có thể vào; bốn là cùng tất cả hành, tên khác mà thể đồng. Đủ như trong văn nhiếp pháp đã nói riêng. Chánh trợ có bốn: Một là viên đốn vẫn phải trợ khai ba thoát, người tu đời gần đây được lời làm chứng. Cho nên bất luận trợ trị khai môn; hai là Biệt giáo giáo đạo vẫn gọi là sự, cho đến dụng viên cũng gọi là lý trợ, trợ thành lý phát xét vị thẳng tấn. Ba là tuy dùng ba giáo mà làm trợ trị vẫn phải ủy dụng đối chuyển

gồm đủ. Người khác không một phen, hưởng là các câu. Bốn là sáu độ cho đến mười hai điều thành đạo, xoay bánh xe pháp, nhập Niết-bàn, v.v... đều phải bốn giáo sự lý hợp thành. Thứ vị có bốn: Một là thí chung chẳng hai vẫn phải sáu tức, hoằng giáo tu quán đều phải biết rõ, mới khỏi Sơ trụ gọi là Diệu giác; hai là tha lại chẳng lập năm phẩm sáu căn, vẫn Pháp Hoa trở thành vô dụng; ba là y cứ ấm giới nhập mà nói về thứ vị; bốn là, sáu thời năm hồi là vào vị Phương tiện. Tha chẳng nói thì lấy gì làm Thí viên hành. An Nhẫn có bốn: Một là tuy hành sáu độ sự lý tức nhau, nhưng tức vị chưa sâu, nhân sinh trái thuận, kia chẳng biện đây, sự này phá quán tâm, chẳng vào sáu căn là do đây; hai là sự lý tuy tức phải biết vị này phiền não vẫn còn, há dùng tâm thô mà tạm thời dứt ít liền kể tướng này làm quả đầu. Nếu khen là quả đầu thì thẹn mà chẳng dám nhận, nếu giáng xuống phạm hạ thì cũng thô bỉ. Hai lạm trung gian không hề gọi tên, cho nên phải biết. Sơ phẩm xét lường mình người không phân; ba là trong ngoài trái thuận tin mà an nhẫn thì phải biết rõ năng nhẫn, sở nhẫn; bốn là dùng ba thuật tụ an khiến vào hậu vị. Ly ái có bốn: Một là ba cõi dứt ái vẫn được gọi là ái; hai là tên Đánh đọa này chẳng đồng thối đọa; ba là nhận đây cùng dùng được pháp nhận tên; bốn là vị này hưởng sau lại phải vào vị.

5. TÂM CẢNH THÍCH NGHĨ LỆ:

Lược có hai mươi phen: Hỏi: Quyển một trong hoằng thệ nói: Đối pháp giới khởi pháp giới, vì sao pháp giới có khởi có đối? Đáp: Như trong đã phân biệt nghĩa ấy đã nêu, nếu muốn nói lại thì đều có nguyên do:

Một là y cứ lý, tâm Phật không khác, tuy Đối tuy khởi nhưng đâu hề không phải lý.

Hai là hễ niệm khởi y lý thể đạt, hoặc khởi hoặc Đối chẳng ngoài Phật giáo.

Ba là xứng lý, lý đã pháp giới, khởi Đối xứng lý thì đều là pháp giới. Nay nghĩa chung trong văn này ba ý ở hai trước nên khởi Đối lại xả (bỏ) pháp giới, ba thứ này tức là ý sáu tức trước là lý tức, kế là ba tức danh tự, quán hành, tương tự.

Ba là hai tức phần chân, cứu cánh. Hỏi: Mười giới bốn vận chánh khởi, tướng nó dễ biết, còn Dĩ khởi, Vị khởi làm sao quán sát? Đáp: Dĩ khởi, Vị khởi tuy tức chẳng chuyên đích tại một cảnh, nhưng phải hình ở tâm chánh khởi thì biết Dĩ khởi là thuộc giới nào. Nhìn trước là Dĩ, nhìn sau là Vị, cho nên Dĩ Vị nhìn ở dục chánh mà được tu quán. Hỏi: Dĩ khởi

đã nhìn tâm trước, tướng có thể biết. Vị khởi nhìn sau, có sau để nhìn, thì gọi muốn khởi, vì sao gọi Vị khởi? Đáp: Đối ở cảnh sau biết tâm chưa khởi nên gọi Vị khởi. Tâm tướng muốn sinh tức là muốn khởi. Thế nên hai tâm, tâm tướng toàn khác. Quán một vận này tức đủ mười giới, trăm giới, ngàn như. Tức không tức trung, cho nên biết tuy quán mười giới bốn vận mất giới mất vận chỉ quán ba ngàn, tức không tức trung, không có ba danh tự năng sở ngậm hợp. Cho nên chẳng đồng giả của lại duyên, không tự tánh không, không giả chẳng hai gọi đó là Trung. Cho nên mượn dụ rằng: Khi các sắc tâm hiện, như vàng bạc ẩn khởi, chỗ vàng khác tên. Sinh và vàng không có trước sau, cũng như đường quan đi, người riêng đào làm tượng, người trí biết đất đường, phàm ngu gọi là tượng sinh. Lúc say quan muốn đi lại đem tượng mà lấp đường. Tượng vốn chẳng sinh diệt, đường cũng không mới cũ.

Bốn là hỏi ngoài sắc vô tình chẳng cùng tâm đều, vì sao lại đây đủ được ba đức, mà nói ba đức khắp tất cả chỗ. Đáp: Đây chỉ ngoại sắc chẳng cùng tâm đều, trong thân cũng như cỏ cây ngói đá cũng nói đủ đức, chẳng riêng hưởng tâm do tâm biến, cho nên gọi nội tâm ngoại sắc, tâm chẳng phải trong ngoài, sắc không trong ngoài mà trong mà ngoài. Hễ tâm ấy tịnh thì cõi Phật tịnh, hễ cõi Phật tịnh thì trí tuệ tịnh. Vì sắc tâm tịnh nên các pháp tịnh, vì các pháp tịnh nên sắc tâm tịnh. Đây được riêng nói ngoại sắc chẳng phải tâm. Cho nên trong pháp pháp biến lấy thức mà so sánh sắc. Cuối quyển bảy hoặc tâm hoặc sắc đều là xe lớn.

Năm là hỏi nay hiện thấy xanh vàng đỏ trắng, vì sao tức là pháp giới chân như? Đáp: Nói xanh, v.v... là chấp chỗ tìm thấy, nói pháp giới là nói theo lý, đâu được dùng tình để hỏi lý. Nay chỗ quán trái tình quán lý, chẳng thể lại khiến trái lý thuận tình. Lại xanh, v.v... là Thế đế, pháp giới là Chân đế. Lại các chấp xanh, v.v... là Thế đế thiếu phần, còn pháp giới là ba đế toàn phần. Lại xanh, v.v... là hai nhãn Nhục thiên chỗ thấy thiếu phần, còn pháp giới là Phật nhãn chỗ thấy toàn phần. Một nhãn đủ năm nhãn, xanh v.v... đủ các pháp. Một đế ba đế cũng giống như thế. Cho nên chẳng được dùng xanh v.v... mà hỏi pháp giới. Cho nên trong Khí Cái nói: Sắc chẳng phải vị, chẳng lìa phàm phu tự vị, Nhị thừa tự lìa. Sắc thể xưa nay là pháp giới thường trụ.

Sáu là hỏi: Phát tâm Bồ-đề cầu ở cực quả, quả địa tự nhiên ứng với tất cả, sao phải ắt giả đại bi ở trước mà nói tâm Bồ-đề của Phật từ đại bi mà khởi. Đáp: Nếu không có đại bi huân ở pháp tánh thì lý tạng pháp tánh không do đâu mà được khai. Nếu tạng chẳng khai còn không có Sơ trụ, huống chi là cực quả. Cho nên chẳng dùng đại bi mà huân

tâm thì sau này không có pháp lợi. Hỏi: Như thế thì mười pháp thành thừa sao chẳng để đại bi đứng đầu mà chỉ lấy diệu cảnh làm đầu? Đáp: Thông đồ thứ lớp, lý cảnh ở đầu. Nếu trong phát tâm, đại bi làm đầu.

Bảy là hỏi: An tâm trước nói xưa nay vắng lặng là tu hay tánh? Đáp: Nếu nói tâm tánh vốn vắng vốn lặng, vắng tức là chỉ, lặng tức là quán, thì đây là y cứ lý tánh. Nếu nói thể vọng tức là pháp tánh, pháp tánh không khởi, biết vọng vốn không, không cũng không diệt, đây là nói theo tu quán, cũng là tu tánh hợp nói.

Tám là hỏi: Trong tổng an tâm chỉ quán viên tu thấp, trong Biệt an chỉ là Thiên tu vì sao được nói lấy chung quán riêng. Đáp: Chỗ nói thiên không phải là khác hẳn. Chỉ là là chỉ của quán, quán là quán của chỉ, thể đồng dụng khác tạm thích hợp mà thôi. Cho nên biết chung đều đồng, mà khác là tùy dụng, cho nên phân ra thuận lý mà hợp. Nếu nó lia thành ba để thứ lớp riêng nhau, ở đây chỉ quán chẳng thể đồng thời. Đủ như trong các giáo phân biệt tướng trạng. Nếu viên an thì như tổng viên an trước nói: Bất động chỉ là Trí bất động, Trí bất động chỉ là chỉ bất động lấy đồng thể này mà quán riêng, cho nên không hai.

Chín là hỏi: An tâm trước nói: Chỉ tin pháp tánh chẳng tin các thứ khác, vì chỉ pháp tánh không có các thứ khác. Nếu đều không thì hiện thấy các pháp lại bảo là pháp tánh đủ tất cả pháp. Đáp: Vì chúng sinh nhiều kiếp chỉ mê đắm các pháp mà không tin pháp tánh. Vì phá chấp xưa nên nói theo đối trị, khiến đối với các pháp thuận thấy pháp tánh. Nếu thấy pháp tánh, tức thấy pháp tánh thuận là các pháp. Các pháp tánh ấy vốn không có tên gọi, y cứ phá lập mà nói nên gọi là tánh, gọi là pháp.

Mười là hỏi các văn đều nói: Sắc tâm chẳng hai, nếu muốn quán sát làm sao lập quán? Đáp: Tâm sắc một thể, không trước không sau, đều là pháp giới. Tu quán thứ lớp thì trước nội tâm, nếu nội tâm tịnh thì lấy tịnh tâm này mà trải tất cả pháp, nhậm vận lẫn lộn. Lại cũng trước hiểu muôn pháp Duy tâm mới quán tâm được. Hiểu các pháp tức thấy các pháp chỉ là tâm chỉ là sắc. Phải biết tất cả do tâm phân biệt các pháp không hề tự nói đồng khác. Cho nên kinh Chiêm-sát nói: Quán có hai thứ: Một là Duy thức, hai là Thật tướng. Thật tướng quán lý, Duy thức trải sự. Sự lý chẳng hai quán đạo vừa mở. Nếu hiểu được đây thì sẽ cùng luận đạo.

Mười một là hỏi trong An Tâm nói: Thể thật ra chẳng sinh diệt, vọng bảo là sinh diệt. Nếu vì chỉ dứt vọng thì bảo cũng còn sinh diệt làm thể. Vọng bảo khiến không sinh diệt. Đáp: Đây cũng không riêng

phải trong sạch ý mình, nếu riêng luận lý thì chẳng phải khởi, chẳng phải tánh, nếu y cứ quả đức thì tánh chẳng hai khởi. Nếu y cứ chúng sinh thì chỉ khởi tánh mê. Nếu Thánh soi phàm tức khởi chỉ là tánh. Nay từ bỏ mê về ngộ để nói khiến lia khởi về tánh thấy không phải khởi tánh, vẫn sợ người mê lia khởi cầu tánh, cho nên khiến thể khởi thật ra nó chẳng khởi. Khởi đã chẳng sinh diệt cũng không diệt.

Mười hai là hỏi: Đã nói một tâm chỉ quán sao lại được lập sáu mươi bốn phen. Đáp: Sáu mươi bốn phen là y cứ căn y cứ hành trở lại giúp nhau. Chung khắp mà luận có sáu mươi bốn hành, đâu cần phải đủ hết các số. Lại nói về thể tánh, chỉ là y cứ ở pháp tánh vắng lặng chiếu soi, tự tại kham dụng nên cho như thế.

Mười ba là hỏi tức trong văn này hoặc nói: Các pháp tức là pháp tánh, hoặc nói bốn vận bốn tánh suy kiếm, cái nào là yếu? Đáp: quán tâm pháp có sự có lý, từ lý chỉ đạt pháp tánh chẳng có đường khác. Từ sự thì chuyên chiếu khởi tâm bốn tánh không thật có. Cũng gọi là gốc ngọn, gốc ngọn đối nhau sự lý chẳng hai.

Mười bốn là hỏi: Pháp Hoa Huyền Văn, Cảnh năng chiếu trí, tuy dẫn thành chứng lý cũng khó sáng. Đáp: Thuận phương tiện giáo lý chẳng thể hội. Nếu từ cực nói ở lý để cho dùng tâm làm cảnh. Tâm cũng năng chiếu, năng sở đều là tâm. Tâm thể đều khắp, tâm tâm chiếu nhau ở lý rất sáng. Cho nên chẳng thể nghĩ bàn cảnh. Trước nói cảnh chẳng thể nghĩ bàn tức là Quán. Do đó được làm bốn câu phân biệt. Cảnh chiếu ở cảnh, cảnh chiếu ở trí. Trí chiếu ở cảnh, trí chiếu ở trí. Chiếu là phương chiếu, chẳng phải nói mà cùng được. Chiếu là ứng thuyết, chẳng phải chiếu có thể liễu. Thuyết là phương thuyết chẳng phải chiếu có thể cùng. Thuyết là ứng chiếu chẳng phải nói có thể liễu. Cho nên chẳng đồng. Đời gọi ngoan cảnh để làm sở chiếu, lại cũng chẳng đồng thiên tiểu vọng tâm để làm sở chiếu. Lại cũng chẳng đồng giả lập chân như để làm sở chiếu sở chiếu, đã thế thì năng chiếu cũng vậy. Chẳng thể nói đó.

Mười lăm là hỏi: Trong pháp pháp biến nói phải dùng vô sinh làm đầu, hỏi sau phân biệt vì sao lại nói vô sinh là trí, vô diệt là đoạn, trí là quán, đoạn là chỉ, ứng môn vô sinh chỉ quán không chỉ đáp: Pháp biến môn, ý từ sự nói riêng, cho nên trong văn nói: Có định tuệ mà tịnh hết. Đủ như trong ký rộng phân biệt riêng.

Mười sáu hỏi: Thiên cảnh mười hai nhân duyên đầu quán cảnh không thể nghĩ bàn, trước nói: chẳng đồng người đời chấp trước, một niệm đầy đủ ba ngàn là chỉ ở trong đây các cảnh đều như thế. Đáp: Tất

cả đều như thế.

Mười bảy là hỏi: Nếu trong tâm mê đắm của ông chẳng đủ ba ngàn? Đáp: Đây là chuẩn dụng quán để quán cảnh mà nói. Tâm mê đắm vốn là các pháp, chiếu tâm mê đắm này là duyên sinh hư giả, trong ba ngàn tự thể tánh không, tức là tâm tánh không thể nghĩ bàn, viên diệu ba đế, thí như hoa đốm, hoa cũng là thể không, chẳng phải một chẳng phải khác. Không này chẳng phải hoa, cũng không đối hoa mà nói không. Không chẳng có tên gọi, do đó suy kỹ các pháp đều như thế.

Mười tám là hỏi: Trong văn mười hai nhân duyên diệu cảnh kết thúc làm ba đạo để đối ba đức. Thân khổ chất ngại làm sao đối pháp thân? Đáp: Đây là nói theo lý, ước đối trái nhau, lấy thân đối thân. Làm thuyết này thật luận ba thể lại không trước sau. Lại nói khổ luận vô thì không bờ bến, cùng nghiệp phiền não chẳng đồng chẳng khác, hướng chi trong văn này ước ở một niệm mười giới, một trăm giới. Vì nói về nhân duyên, y cứ nhân duyên này để nói về ba đạo, y cứ ba đạo này để nói về ba đức. Cho nên ba đạo cho đến ba đức đều không trước sau. Tánh đức ba nhân không thời nào chẳng có há lại hỏi chất ngại, v.v... ư?;

Mười chín là hỏi: Có người hỏi rằng: Cõi này chân thuyên bảm thừa có đầu mối. Tuy giáo khoa nói rộng mà bản vị vẫn còn, tìm cầu tông nguyên tự có thể hiểu gốc, đầu cần phải lập một tâm ba quán, bốn vận suy kiểm thẩm nhuần dòng nước trong. Đáp: Nước ngồi vốn trong khuấy lên chưa đục. Chân Nguyên thể tịnh lẫn lộn cũng cự phương. Nếu khiến Ấn-độ một Thánh lai nghi, chưa như Đâu-suất hai sinh thùy giáng. Cho nên Đông Dương Đại sĩ ở Đẳng giác còn dùng ba quán bốn vận mà làm tâm yếu. Cho nên Độc Tự thi rằng: Độc tự tự tinh cái thật mà lừa tiếng tăm, ba quán một tâm dung muôn phẩm rừng rậm, gai góc chỗ nào sinh. Độc tự hỏi trong tâm ta có mê đắm gì. Suy kiểm bốn vận đều không sinh, ngàn muôn mối manh đâu thể buộc. Hướng chi ba quán bản tông Anh Lạc. Bồ xứ Đại sĩ miệng vàng thân thừa. Cho nên biết một nhà giáo môn xa bảm kinh Phật. Lại phù hợp rõ ràng với Đại sĩ hướng chỗ dùng nghĩa chỉ lấy Pháp Hoa làm tông cốt, lấy Trí Luận làm chỉ nam, lấy Đại kinh làm phù sở, lấy đại phẩm làm quán pháp. Dầu các kinh để thêm lòng tin, dẫn các luận để giúp thành quán, tâm làm sợi ngang, các pháp làm sợi dọc, dệt thành bộ pho, chẳng cùng khác đồng. Hỏi: Đại sư khẩu quyết thuần là trị bệnh, có tâm yếu nào khác chẳng? Đáp: Các thứ đều trị bệnh, chỉ có một kệ rằng:

Sư từng dạy khuyên rằng:

*Thật tâm buộc thật cảnh, Thật duyên thứ
lớp sinh, Thật thật đắp đổi rớt,
Tự nhiên vào thật lý.*

Giải thích rằng: nếu tâm buộc cảnh, cảnh sẽ buộc tâm, tâm cảnh buộc nhau, gọi là thật duyên. Lại do hậu tâm, tâm tâm nối tiếp gọi là đắp đổi rớt nhau. Tức là tâm rớt vào cảnh, cảnh rớt vào cảnh, cảnh rớt vào tâm, tâm tâm cảnh cảnh, niệm niệm rớt nhau, cứ thứ lớp như thế, sát-na không xen hở. Tự nhiên từ quán hành tương tự mà vào phần chứng. Cho nên gọi là vào thật.